

Số: /QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật, tài nguyên nước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính Phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BTNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 8321/TTr-SNNMT-PC ngày 13 tháng 10 năm 2025 và ý kiến đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 7456/TTr-SNV ngày 23 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nội dung ủy quyền

1. Lĩnh vực chăn nuôi và thú y

Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo quy định tại Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, cụ thể:

1.1. Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y);

1.2. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y);

1.3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y;

1.4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký);

1.5. Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu;

1.6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin);

1.7. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin);

1.8. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi;

1.9 Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi;

1.10. Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

1.11. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước;

1.12. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu;

1.13. Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung;

1.14. Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung;

1.15. Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu;

- 1.16. Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu;
- 1.17. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi;
- 1.18. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi;
- 1.19. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin);
- 1.20. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin);
- 1.21. Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin).

2. Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, cụ thể:

- 2.1. Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật quy định tại khoản 5 Điều 67 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật;
- 2.2. Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều 196 Luật Sở hữu trí tuệ;
- 2.3. Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật;
- 2.4. Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định số 01/2012/QĐ-TTG;
- 2.5. Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP;
- 2.6. Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón quy định tại Điều 10 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP;
- 2.7. Thu hồi Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón quy định tại Điều 11 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP;
- 2.8. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP;

2.9. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP;

2.10. Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP;

2.11. Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng) quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP;

2.12. Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 7 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP;

2.13. Hủy bỏ Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP;

2.14. Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng quy định tại Điều 24 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP;

2.15. Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 27 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP;

2.16. Cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 28, Điều 29 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP;

2.17. Thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 30 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP;

2.18. Ghi nhận, ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP;

2.19. Xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 33 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP;

2.20. Kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 111 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

2.21. Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

2.22. Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

2.23. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật.

3. Lĩnh vực tài nguyên nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực tài nguyên nước, cụ thể:

3.1. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, thẩm định và quản lý hồ sơ giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-

CP ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường:

- Hành nghề khoan nước dưới đất đối với các giếng khoan có đường kính ống chống hoặc ống vách không vượt quá 250 mm và có lưu lượng lớn hơn 3.000 m³/ngày đêm;

- Hành nghề khoan nước dưới đất đối với các giếng khoan có đường kính ống chống hoặc ống vách lớn hơn 250mm và có lưu lượng lớn hơn 3.000 m³/ngày đêm;

- Hành nghề khoan nước dưới đất đối với các giếng khoan có đường kính ống chống hoặc ống vách lớn hơn 250mm và có lưu lượng không vượt quá 3.000 m³/ngày đêm.

3.2. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi, thẩm định và quản lý hồ sơ giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP của Chính phủ; các trường hợp được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ:

- Thăm dò nước dưới đất để sử dụng cho mục đích khác mục đích quy định tại điểm a khoản 3 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước và khoản 1 Điều 8 Nghị định 54/2024/NĐ-CP có quy mô từ 10 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm;

- Khai thác nước dưới đất để sử dụng cho mục đích khác mục đích quy định tại điểm a khoản 3 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước và khoản 1 Điều 8 Nghị định 54/2024/NĐ-CP có quy mô từ 10 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm;

- Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác trên 0,5 m³/giây đến dưới 5 m³/giây và có dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³ hoặc với quy mô từ 5 m³/giây trở lên và có dung tích toàn bộ từ trên 0,2 triệu m³ đến dưới 05 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác trên 0,5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây;

- Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước trên 0,5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây;

- Hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản này có dung tích toàn bộ từ trên 0,2 triệu m³ đến dưới 20 triệu m³;

- Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 50 kW đến dưới 5.000 kW;

- Khai thác nước mặt cho các mục đích khác có quy mô từ 100 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm; khai thác nước mặt cho mục đích sinh hoạt có quy mô từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm đối với khu vực biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô khai thác trên 100.000 m³/ngày đêm đến dưới 1.000.000 m³/ngày đêm;

- Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) không phải là công trình tạm, thời vụ có thời gian sử dụng liên tục từ 03 tháng trở lên có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 30 m đến dưới 100 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan không phải là công trình tạm, thời vụ có thời gian sử dụng liên tục từ 03 tháng trở lên có tổng chiều rộng thông nước từ 5 m đến dưới 100 m.

3.3. Tổ chức đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

- Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m³ đến 0,2 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác lớn hơn 0,1 m³/giây đến 0,5 m³/giây. Trường hợp hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m³ đến 0,2 triệu m³ có quy mô khai thác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản vượt quá 0,5 m³/giây hoặc có các mục đích khai thác nước khác có quy mô khai thác thuộc trường hợp phải có giấy phép thì phải thực hiện cấp phép theo quy định tại khoản 3.2 Điều này;

- Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô lớn hơn 10.000 m³/ngày đêm đến 100.000 m³/ngày đêm;

- Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) không phải là công trình tạm, thời vụ có thời gian sử dụng liên tục từ 03 tháng trở lên có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch không vượt quá 30 m; đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan không phải là công trình tạm, thời vụ có thời gian sử dụng liên tục từ 03 tháng trở lên có tổng chiều rộng thông nước không vượt quá 5 m. Trường hợp công trình có các mục đích khai thác nước khác có quy mô khai thác thuộc trường hợp phải có giấy phép thì phải thực hiện cấp phép theo quy định;

- Sử dụng mặt nước hồ chứa để sản xuất điện mặt trời;

- Sử dụng mặt nước sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ với diện tích mặt nước sử dụng có quy mô lớn hơn 100 m²;

- Các khu, điểm du lịch có hoạt động sử dụng mặt nước;

- Đào sông, suối; đào hồ, ao để tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan có quy mô diện tích mặt nước vượt quá 500 m²;

- Đào kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan có với lưu lượng dẫn nước có quy mô vượt quá 0,1 m³/giây hoặc bề rộng đáy vượt quá 0,5 m.

3.4. Phê duyệt, điều chỉnh, thông báo việc truy thu, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên nước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại khoản 3.2 Điều này và thẩm quyền cấp phép tài nguyên nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ:

- Khai thác nước mặt để phát điện có mục đích thương mại;
- Khai thác nước mặt, nước dưới đất để phục vụ hoạt động sản xuất (bao gồm cả nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), kinh doanh, dịch vụ, cấp cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cấp cho sinh hoạt.

3.5. Xác định, phê duyệt và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với của các công trình có phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt nằm trên địa bàn Thành phố tại khoản 2 Điều 26 của Luật Tài nguyên nước và nằm trên địa bàn hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên theo quy định khoản 1 Điều 30 của Nghị định số 136/2025/NĐ-CP (bao gồm việc quyết định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt nhỏ hơn phạm vi tối thiểu nhưng phải đảm bảo chất lượng nguồn nước):

Công trình khai thác tài nguyên nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt (sau đây gọi chung là công trình khai thác nước để cấp cho sinh hoạt) thuộc trường hợp phải cấp phép tài nguyên nước theo quy định thì phải xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

Điều 2. Điều kiện ủy quyền

1. Bên ủy quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

a) Đảm bảo các nguồn lực và điều kiện cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền hạn đã ủy quyền.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham mưu hướng dẫn quy trình và kế hoạch kiểm tra, thanh tra các nội dung đã ủy quyền.

c) Có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã ủy quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của việc ủy quyền và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình ủy quyền, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận ủy quyền thực hiện không đúng nội dung, phạm vi, thời hạn đã được ủy quyền theo quy định.

d) Trường hợp việc ủy quyền dẫn đến cần thay đổi trình tự, thủ tục, thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.

2. Bên nhận ủy quyền: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

a) Tham mưu văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh các quy định làm thay đổi thẩm quyền đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên để thực hiện nội dung được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền.

b) Việc thực hiện các công việc được ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực được ủy quyền và phù hợp với quy định pháp luật; không được ủy quyền lại cho cơ quan, tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền tại Quyết định này.

c) Trường hợp việc ủy quyền dẫn đến cần thay đổi trình tự, thủ tục, thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền theo quy định tại khoản 3 và khoản 6 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025 thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện đầy đủ các nội dung này.

d) Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền. Bên nhận ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền trong trường hợp thực hiện không đúng nội dung, phạm vi, thời hạn đã được ủy quyền. Có quyền đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh nội dung, phạm vi, thời hạn ủy quyền. Không được ủy quyền tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được ủy quyền.

Đồng thời được sử dụng con dấu của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền.

đ) Chuẩn bị nguồn lực để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

e) Chấp hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra về các nội dung được ủy quyền.

g) Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

Điều 3. Thời gian ủy quyền

Việc ủy quyền được thực hiện kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành cho đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027 (trừ trường hợp quy định của pháp luật về nội dung trên có sự thay đổi).

Điều 4. Phân công trách nhiệm thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện nội dung, phạm vi, thời hạn được ủy quyền nêu tại Quyết định này theo quy định pháp luật. Tổ chức thông tin rộng rãi các nội dung được ủy quyền cho các tổ chức, cá nhân được biết, sắp xếp, bố trí các nguồn lực để thực hiện các nội dung đã được ủy quyền.

- Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc thì Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến chỉ đạo.

2. Giao Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra, theo dõi việc triển khai thực hiện các nội dung ủy quyền tại Quyết định này.

3. Giao Sở Tài chính

Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí nguồn kinh phí thực hiện các nội dung được ủy quyền nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu

trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt các thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền tại Điều 1.

3. Bãi bỏ các Quyết định có nội dung ủy quyền trái với Quyết định này.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có thay đổi về thẩm quyền giải quyết công việc thì thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm rà soát, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định kịp thời điều chỉnh thay đổi, chấm dứt nội dung ủy quyền cho phù hợp tình hình thực tế và quy định pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Phòng ĐT, TH;
- Lưu: VT (ĐT/Thi).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Được